

Số: /TB-ĐHNN

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

Lịch thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên và học viên sau đại học trong Đại học Quốc gia Hà Nội thi ngày 19/8/2023

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3636/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo thạc sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3638/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế đào tạo tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Hướng dẫn số 1011/HD-ĐHQGHN ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Đại học Quốc gia Hà Nội về tổ chức đào tạo các học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung và xác định chuẩn đầu ra trong chương đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 303/ĐHQGHN-KHTC ngày 11/02/2022 của Đại học Quốc gia Hà Nội ý kiến về mức thu lệ phí và cấp chứng chỉ thi ĐGNLNN của Trường Đại học Ngoại ngữ;

Căn cứ cá nhân có nhu cầu được đánh giá năng lực ngoại ngữ hoặc có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN), Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo lịch thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ (ĐGNLNN) đối với sinh viên và học viên sau đại học trong ĐHQGHN ngày 19 tháng 8 năm 2023, như sau:

1. Ngoại ngữ và thời hạn đăng ký dự thi

STT	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Định dạng đề thi	Đối tượng đăng ký dự thi	Thời hạn nộp hồ sơ và lệ phí thi
01	Tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn	ĐGNLNN	Sinh viên, học viên trong ĐHQGHN	Từ ngày 01/8/2023 đến ngày 03/8/2023

* Lưu ý:

- Bài thi Nói được bố trí theo các ca thi khác nhau vào chiều thứ Bảy hoặc Chủ nhật liền kề.
- Nhà trường không tổ chức thi ĐGNLNN, nếu số lượng đăng ký dự thi dưới 10 thí sinh/1 ngoại ngữ.

2. Đối tượng dự thi

- Sinh viên và học viên trong ĐHQGHN.

3. Hồ sơ đăng ký dự thi: Đăng ký trực tuyến <https://vstep.vnu.edu.vn/dangky/>

- File ảnh cỡ 4cm × 6cm được chụp không quá 06 tháng trước ngày đăng ký dự thi;

- File ảnh chụp 2 mặt của căn cước công dân (hoặc chứng minh nhân dân/ hộ chiếu);

- File ảnh chụp mặt trước của thẻ sinh viên/học viên sau đại học. Trường hợp mất thẻ hoặc đã quá hạn thẻ sinh viên/học viên, cần có file ảnh chụp giấy xác nhận đơn vị đào tạo ký và đóng dấu.

- Đối với sinh viên hệ cử tuyển/ dự bị đại học Trường ĐHNN, ngoài các file giấy tờ trên cần có thêm file ảnh Giấy xác nhận là sinh viên hệ cử tuyển/ dự bị đại học của Phòng Chính trị và Công tác HSSV.

4. Nộp lệ phí dự thi trên hệ thống trực tuyến <https://vstep.vnu.edu.vn/dangky/>

4.1. Sinh viên thuộc ĐHQGHN (trừ Trường ĐHNN): 1.200.000 VNĐ (đã bao gồm lệ phí cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ).

4.2. Sinh viên Trường ĐHNN:

- Miễn lệ phí thi lần 1.

- Thi từ lần 2: 300.000VNĐ

4.3. Đối với học viên SDH thuộc ĐHQGHN có học lớp ngoại ngữ cơ bản (tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn) do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy:

- Miễn lệ phí thi lần 1

- Học viên SDH Trường ĐHNN thi từ lần 2: 600.000VNĐ

- Học viên SDH (trừ Trường ĐHNN) thi từ lần 2: 1.200.000VNĐ

4.4. Đối với học viên SDH thuộc ĐHQGHN không học các lớp ngoại ngữ cơ bản do Trường ĐHNN tổ chức giảng dạy: 1.200.000 VNĐ (đã bao gồm lệ phí cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ).

***Lưu ý: Thí sinh không được rút hồ sơ và lệ phí đăng ký thi, yêu cầu thí sinh cân nhắc trước khi đăng ký dự thi.**

5. Thông tin về kỳ thi

Thí sinh xem địa điểm thi, danh sách phòng thi, số báo danh và lịch thi tại Website <http://vstep.vn> trong vòng 5 ngày trước ngày thi.

***Lưu ý:** Khi đi thi, thí sinh phải mang giấy tờ tùy thân (bản gốc) còn hiệu lực. Thí sinh không được mang vào khu vực thi: điện thoại di động, các phương tiện thu phát sóng, các vật dụng thiết bị khác, kể cả đồng hồ đeo tay... Thí sinh đến muộn sau thời điểm tính giờ làm bài sẽ không được dự thi.

6. Định dạng bài thi và hình thức thi

- Định dạng bài thi ĐGNL Ngoại ngữ (*Phụ lục*).

- Hình thức thi: Kỹ năng Nói được tổ chức thi trực tiếp, các kỹ năng khác được tổ chức thi trên giấy.

7. Kết quả thi

- Thông báo tại Website <http://vstep.vn> sau 10 ngày làm việc (khoảng 2 tuần) kể từ ngày thi.

- Trung tâm Khảo thí gửi kết quả thi đến phòng Đào tạo, khoa Sau đại học Trường ĐHNN và các đơn vị đào tạo có sinh viên, học viên tham gia kì thi ĐGNLNN để thông

báo cho sinh viên, học viên (Trung tâm không xác nhận điểm).

8. Phúc khảo bài thi

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, trong thời hạn 03 ngày làm việc thí sinh có nhu cầu phúc khảo bài thi phải đăng ký trực tiếp vào hệ thống và nộp phí 100.000 VNĐ/1 kỹ năng.

- Kết quả phúc khảo được công bố sau 10 ngày làm việc (khoảng 2 tuần), kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ phúc khảo.

9. Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ

- Kết quả thi ĐGNLNN (tiếng Nga, Pháp, Trung, Đức, Nhật, Hàn) được cấp Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ (GCN) do Hiệu trưởng Trường ĐHNN ký.

- Sau khi công bố kết quả thi trên Website, trong thời hạn 03 ngày làm việc, thí sinh thuộc diện miễn lệ phí thi, nộp lệ phí thi 300.000 VNĐ hoặc 600.000 VNĐ phải đăng ký và nộp lệ phí cấp GCN 100.000VNĐ trực tiếp vào hệ thống. Sau thời hạn trên, thí sinh không đăng ký nhận GCN, được coi như không có nhu cầu, đồng thời không được đăng ký cấp GCN vào bất cứ thời gian nào khác.

*** Lưu ý:**

- Đối với sinh viên thi ngoại ngữ chuyên: Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ được cấp cho sinh viên dự thi đạt bậc 5, riêng sinh viên hệ cử tuyển và sinh viên hệ dự bị đại học đạt từ bậc 4 trở lên.

- Đối với sinh viên thi ngoại ngữ không chuyên: Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ được cấp cho sinh viên dự thi đạt bậc 3 trở lên.

- Đối với sinh viên (trừ Trường ĐHNN) và học viên trong ĐHQGHN: Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ được cấp cho thí sinh dự thi đạt bậc 3 trở lên.

10. Lịch phát Giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ

- Sau 25 ngày làm việc (không tính ngày nghỉ, ngày lễ, tết) kể từ ngày thi, thí sinh nhận GCN vào thứ 3 và thứ 5 hàng tuần trong giờ hành chính trong vòng 02 tháng sau khi có GCN.

- Thí sinh xuất trình giấy tờ tùy thân (Căn cước công dân/chứng minh ND/hộ chiếu) khi nhận GCN.

- Trường hợp thí sinh nhờ người nhận hộ GCN, cần xuất trình Giấy ủy quyền (có đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền) và nộp lại cùng bản sao giấy tờ tùy thân của người ủy quyền và người được ủy quyền

- Địa điểm: tại Trung tâm Khảo thí - Phòng 301B- Nhà B3 - Trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Các đơn vị ĐT trong ĐHQGHN;
- Các đơn vị;
- Lưu: HCTH, KT, HY16.

HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Tuấn Minh

Số: 328 /QĐ-ĐHNN

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Định dạng đề thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ
từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
đối với tiếng Nga/Trung/Pháp/Đức/Nhật/Hàn/Ả Rập/Thái/Lào**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ-ĐHQGHN ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2755/QĐ-ĐHNN ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ-Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Công văn số 4116/ĐHQGHN-ĐT ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Đại học Quốc gia Hà Nội hướng dẫn tiêu chuẩn về trình độ ngoại ngữ trong tổ chức đào tạo trình độ đại học của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ tình hình thực tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khảo thí.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Định dạng đề thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ từ bậc 2 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với tiếng Nga/Trung/Pháp/Đức/Nhật/Hàn/Ả Rập/Thái/Lào, gồm: cấu trúc đề thi, miêu tả đề thi và cách tính điểm thi.

Điều 2. Định dạng đề thi này được dùng trong các kỳ thi đánh giá năng lực ngoại ngữ do Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Điều 3. Quyết định này thay thế Quyết định số 560/QĐ-ĐHNN ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Trường ĐHNN-ĐHQGHN và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trưởng Phòng Hành chính-Tổng hợp, Trưởng Phòng Kế hoạch-Tài chính, Giám đốc Trung tâm Khảo thí, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban giám hiệu (để bc)
- Lưu: HCTH, TTKT, Thoa5.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

**ĐỊNH DẠNG ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ
TỪ BẬC 2 ĐẾN BẬC 5 THEO KHUNG NLNN 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
ĐỐI VỚI TIẾNG NGA/TRUNG/PHÁP/ĐỨC/NHẬT/HÀN/Ả RẬP/THÁI/LÀO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 328 /QĐ-ĐHNN ngày 16 tháng 01 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường ĐHNN-ĐHQGHN)*

I. CẤU TRÚC ĐỀ THI

1. Kỹ năng Nghe

- Thời gian: khoảng 25 phút (bao gồm cả thời gian nghe khoảng 20 phút và 05 phút chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời)
- Số lượng: 15-20 câu hỏi trắc nghiệm
- Yêu cầu: Thí sinh nghe 01 lần các đoạn đọc thoại/hội thoại và trả lời các câu hỏi liên quan.
- Kiến thức/Kỹ năng đánh giá: Khả năng nghe hiểu thông tin chính, thông tin chi tiết; Khả năng hiểu mục đích giao tiếp, quan điểm và mối liên hệ giữa những người tham gia đối thoại; Khả năng xác định chủ đề, nơi chốn, tình huống giao tiếp; Kỹ năng nghe hiểu quan điểm, thái độ của người tham gia hội thoại; Kỹ năng nghe hiểu lập luận của người nói, ...

2. Kỹ năng Đọc hiểu - Từ vựng – Ngữ pháp

- Thời gian: 50 phút (bao gồm thời gian chuyển câu trả lời sang phiếu trả lời)
- Số lượng: 30 câu hỏi trắc nghiệm
- Yêu cầu:
 - Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm ngắn về từ vựng – ngữ pháp
 - Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi trắc nghiệm liên quan tới văn bản.
- Kỹ năng/kiến thức đánh giá: Kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, về từ vựng; kỹ năng đọc hiểu các thông tin chính, thông tin chi tiết trong văn bản; kỹ năng xác định và thái độ, quan điểm của tác giả trong văn bản; kỹ năng đọc hiểu hàm ngôn và dẫn chiếu từ văn bản; ...

3. Kỹ năng Viết

- Thời gian: 50 phút
- Số lượng: 2 phần thi
- Yêu cầu:
 - Phần 1: Kiểm tra kỹ năng viết lại câu/kết hợp câu/sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh/sử dụng từ/cụm từ cho sẵn để viết thành câu hoàn chỉnh.
 - Phần 2: Kiểm tra kỹ năng viết một bài luận về một chủ đề cho trước.
- Kỹ năng/kiến thức đánh giá: Khả năng viết lại câu; khả năng kết hợp câu sao cho nghĩa không thay đổi; khả năng sắp xếp trật tự từ thành câu hoàn chỉnh; sử dụng từ/cụm từ cho sẵn để viết thành câu hoàn chỉnh; khả năng sử dụng cấu trúc, từ vựng; khả năng trình bày quan điểm, trình bày ý kiến; kỹ năng tranh luận, chứng minh lập luận bằng dẫn chứng,...

4. Kỹ năng Nói

- Thời gian: 10 phút/thí sinh
- Số lượng: 3 phần thi
- Kiến thức/Kỹ năng kiểm tra: Khả năng giao tiếp xã hội; khả năng trình bày ý kiến, quan điểm; kỹ năng tổng hợp thông tin; kỹ năng diễn giải, tranh biện; khả năng chứng minh lập luận bằng dẫn chứng; khả năng kết nối thông tin; khả năng sử dụng cấu trúc, từ vựng; khả năng phát âm và sử dụng ngữ điệu trong trình bày.

II. MIÊU TẢ ĐỀ THI

1. Đối với tiếng Nga/Pháp/Đức/Hàn/Thái/Ả Rập/Lào

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NGHE - 15 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	Phần 1: Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	5
	Phần 2: Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	Phần 3: Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
ĐỌC-TV-NP - 30 câu - 50 phút	Phần 1: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Phần 2: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân trong câu.	3
	Phần 3: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Phần 4: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	Phần 5: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	Phần 6: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
VIẾT - 2 phần - 50 phút	Phần 1: Thí sinh sử dụng từ cho sẵn để viết lại câu sao cho nghĩa của câu gốc không thay đổi.	5
	Phần 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 250 từ/ 500 chữ (tiếng Hàn) về một chủ đề cho trước.	1
NÓI - 3 phần - 10 phút	Phần 1 (2-3 phút): Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	Phần 2 (2-3 phút): Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	Phần 3 (4-5 phút): Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

2. Đối với tiếng Trung

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NGHE - 20 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	Phần 1: Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	10
	Phần 2: Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	Phần 3: Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
ĐỌC-TV-NP - 30 câu	Phần 1: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa từ/cụm từ gần nghĩa/trái nghĩa nhất với từ/cụm từ được gạch chân	6

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
- 50 phút	trong câu.	
	Phần 2: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Phần 3: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	Phần 4: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	Phần 5: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
VIẾT - 2 phần - 50 phút	Phần 1: Thí sinh sử dụng các từ cho sẵn sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.	10
	Phần 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 500 ký tự về một chủ đề cho trước.	1
NÓI - 3 phần - 10 phút	Phần 1 (2-3 phút): Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	Phần 2 (2-3 phút): Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	Phần 3 (4-5 phút): Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

3. Đối với tiếng Nhật

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NGHE - 15 câu - Nghe 1 lần - 3 phần - ~ 25 phút	Phần 1: Thí sinh nghe các hội thoại/độc thoại ngắn và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi.	5
	Phần 2: Thí sinh nghe 01 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất Đúng hoặc Sai để trả lời câu hỏi.	4
	Phần 3: Thí sinh nghe 02 độc thoại/hội thoại và chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời câu hỏi. Mỗi độc thoại/hội thoại có 3 câu hỏi.	6
ĐỌC-TV-NP - 30 câu - 50 phút	Phần 1: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D phù hợp với cách đọc của phần chữ Hán được gạch chân trong câu.	3
	Phần 2: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D là cách viết của phần được gạch chân trong câu.	3
	Phần 3: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D chứa thành phần có lỗi sai trong câu.	3
	Phần 4: Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành câu.	8
	Phần 5: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 8 chỗ trống. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để hoàn thành chỗ trống trong bài đọc.	8
	Phần 6: Thí sinh đọc 01 bài đọc với 5 câu hỏi. Thí sinh chọn phương án đúng nhất A, B, C hoặc D để trả lời các câu hỏi.	5
VIẾT - 2 phần - 50 phút	Phần 1: Thí sinh sử dụng các từ cho sẵn sắp xếp thành câu hoàn chỉnh.	5
	Phần 2: Thí sinh viết một bài luận khoảng 500 ký tự về một chủ đề cho trước.	1

Kỹ năng	Dạng bài	Số câu hỏi
NÓI - 3 phần - 10 phút	Phần 1 (2-3 phút): Giao tiếp xã hội Thí sinh trả lời các câu hỏi về cá nhân, công việc, cuộc sống hàng ngày.	3-5
	Phần 2 (2-3 phút): Trình bày miêu tả Thí sinh được đưa 01 chủ đề và các gợi ý cho sẵn. Thí sinh trình bày miêu tả dựa trên các gợi ý cho sẵn.	01
	Phần 3 (4-5 phút): Trả lời chủ đề Thí sinh trình bày về một chủ đề cho trước. Thí sinh có 01 phút để chuẩn bị và 03 phút trình bày và trả lời 2 câu hỏi sau khi trình bày.	01

III. CÁCH TÍNH ĐIỂM THI

- Điểm kết luận = (Nghe + Đọc hiểu - Từ vựng - Ngữ pháp + Viết + Nói) : 4

ĐIỂM KẾT LUẬN BÀI THI	BẬC NĂNG LỰC (KNLNN)	TRÌNH ĐỘ (CEFR)
< 3.0	Không đánh giá	Không đánh giá
3.0	2	A2
4.0	3	B1
5.0	4	B2
6.5	5	C1

- Điểm kỹ năng Nghe, Đọc hiểu - Từ vựng - Ngữ pháp, Viết, Nói và điểm kết luận được tính trên thang điểm 10, điểm lẻ đến 0,5.

- Thí sinh không được đánh giá bậc năng lực nếu có kỹ năng dưới 1,0 điểm.

• Quy định về công nhận cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ

Thí sinh được công nhận cấp giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ khi đạt những điều kiện sau:

- Tham dự đầy đủ tất cả các kỹ năng, không bị kỷ luật hủy kết quả thi.
- Có điểm kết luận theo đúng bậc năng lực quy định tại Phần III của văn bản này.
- Không có kỹ năng nào dưới 1,0 điểm.